

NGHỊ QUYẾT

Quy định nội dung, nhiệm vụ chỉ duy tu, bảo dưỡng và xử lý cấp bách sự cố đê điều, hệ thống đê điều do địa phương quản lý trên địa bàn tỉnh

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN
KHÓA XI, KỲ HỌP THỨ 4 (CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đê điều ngày 29 tháng 11 năm 2006; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 113/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đê điều;

Căn cứ Thông tư số 68/2020/TT-BTC ngày 15 tháng 7 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định nội dung, nhiệm vụ chỉ duy tu, bảo dưỡng đê điều và xử lý cấp bách sự cố đê điều;

Xét Tờ trình số 3784/TTr-UBND ngày 11 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị ban hành Nghị quyết quy định nội dung, nhiệm vụ chỉ duy tu, bảo dưỡng và xử lý cấp bách sự cố đê điều, hệ thống đê điều do địa phương quản lý trên địa bàn tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 121/BC-HĐND ngày 20 tháng 10 năm 2021 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nội dung, nhiệm vụ chi duy tu, bảo dưỡng và xử lý cấp bách sự cố đê điều, hệ thống đê điều đối với các tuyến đê cấp IV và cấp V trên địa bàn tỉnh.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị được giao quản lý các công trình đê điều trên địa bàn tỉnh và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc sử dụng kinh phí duy tu, bảo dưỡng và xử lý cấp bách sự cố đê điều, hệ thống đê điều.

Điều 2. Nội dung chi, mức chi duy tu, bảo dưỡng và xử lý cấp bách sự cố đê điều, hệ thống đê điều trên địa bàn tỉnh

1. Nội dung chi duy tu, bảo dưỡng đê điều

- a) Sửa chữa, cải tạo, gia cố mặt đê;
- b) Sửa chữa gia cố đường gom, đường hành lang chân đê, dốc lên xuống đê trong phạm vi bảo vệ đê điều;
- c) Sửa chữa và trồng cỏ mái đê, cơ đê, chân đê, mái kè;
- d) Đắp đất, trồng cây chắn sóng;
- đ) Khảo sát, phát hiện và xử lý mối và các ản họa trong thân đê; khoan phụt vữa gia cố chất lượng thân đê;
- e) Kiểm tra đánh giá chất lượng cống dưới đê; xử lý các hư hỏng nhỏ; nạo vét thượng, hạ lưu của cống dưới đê;
- g) Kiểm tra hiện trạng kè bảo vệ đê; chi tu sửa các hư hỏng nhỏ của kè;
- h) Bổ sung, sửa chữa các công trình phục vụ việc quản lý, bảo vệ đê điều: Cột mốc trên đê; cột chỉ giới, cột thủy chí; biển báo đê; trạm và thiết bị quan trắc; kho, bãi chứa vật tư dự phòng bão lũ;
- i) Sửa chữa các công trình phục vụ việc quản lý, bảo vệ đê điều: Công trình phân lũ, làm chậm lũ; công trình tràn sự cố; giếng giảm áp; điểm canh đê;
- k) Khảo sát địa hình, địa chất, khảo sát mặt cắt cố định ngang sông định kỳ, đo đạc sơ họa diễn biến lòng dẫn; đo đạc diễn biến bãi biển trước đê; bổ sung cơ sở dữ liệu về đê điều phục vụ công tác quản lý đê điều và phòng, chống lụt bão;

l) Các công việc khác có liên quan trực tiếp tới công tác duy tu, bảo dưỡng đê điều theo quy định tại Luật Đê điều, pháp luật có liên quan và được cấp có thẩm quyền phê duyệt (nếu có).

2. Nội dung chi xử lý cấp bách sự cố đê điều

- a) Xử lý sạt trượt mái đê, mái kè;
- b) Xử lý nứt đê;

- c) Xử lý sập tổ mối trên đê;
- d) Xử lý sụt, lún thân đê;
- đ) Xử lý đoạn bờ sông bị sạt trượt có nguy cơ ảnh hưởng đến an toàn đê điều;
- e) Xử lý rò rỉ, thấm, tổ mối và các khuyết tật khác trong thân đê;
- g) Xử lý lỗ sủi, mạch sủi, bãi sủi, mạch đùn, bực đất, giếng phụt;
- h) Xử lý trường hợp nước lũ tràn qua đỉnh đê;
- i) Xử lý các sự cố hư hỏng cống qua đê;
- k) Hàn khẩu đê;
- l) Xử lý giếng giảm áp làm việc không bình thường: nước từ trong giếng, khu vực cát thấm lọc có hiện tượng nước đục và kéo theo bùn cát thoát ra ngoài.

3. Mức chi

Mức chi thực hiện các nội dung duy tu, bảo dưỡng và xử lý cấp bách sự cố đê điều, hệ thống đê điều theo định mức, đơn giá, chế độ chi tiêu tài chính hiện hành do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

Điều 3. Dự toán kinh phí thực hiện duy tu, bảo dưỡng và xử lý cấp bách sự cố đê điều, hệ thống đê điều trên địa bàn tỉnh

1. Kinh phí chi thường xuyên để thực hiện duy tu, bảo dưỡng đê điều và xử lý cấp bách sự cố đê điều, hệ thống đê điều đối với các tuyến đê cấp IV và cấp V được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp hiện hành và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác.

2. Trong năm, trường hợp phát sinh các sự cố cấp bách về đê điều, UBND các huyện, thành phố, thị xã chủ động sử dụng nguồn dự phòng, nguồn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách cấp huyện và huy động các nguồn lực sẵn có tại chỗ để kịp thời xử lý sự cố; trường hợp các địa phương chi cho công tác khắc phục sự cố đê điều mới phát sinh ở mức độ lớn, sau khi đã sử dụng hết nguồn dự phòng, nguồn tăng thu và nguồn tiết kiệm chi ngân sách cấp huyện; UBND cấp huyện kịp thời tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh (thông qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính) xem xét, quyết định.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn cụ thể việc lập, phân bổ, chấp hành dự toán và quyết toán kinh phí duy tu, bảo dưỡng đê điều, xử lý cấp bách sự cố đê điều, hệ thống đê điều với các tuyến đê cấp IV và cấp V theo phân cấp quản lý hiện hành.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Thuận Khóa XI, kỳ họp thứ 4 (chuyên đề) thông qua ngày 26 tháng 10 năm 2021 và có hiệu lực thi hành từ ngày 05 tháng 11 năm 2021./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Ban công tác Đại biểu - UBTW Quốc hội;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND,
Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Bình Thuận;
- Các ban HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành và đoàn thể tỉnh;
- Các Văn phòng: Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh,
UBND tỉnh;
- HĐND và UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu VT. (CTHĐ.08) Tấn Duy

CHỦ TỊCH**Nguyễn Hoài Anh**